

Số: 46 /QĐ-UBQLV

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Công nghệ và hạ tầng

CHỦ TỊCH ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ và hạ tầng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Vị trí và chức năng

Vụ Công nghệ và hạ tầng là đơn vị trực thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Ủy ban) thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Ủy ban thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ và hạ tầng.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Chủ trì các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ và hạ tầng theo quy định của pháp luật;

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và tham gia ý kiến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp theo phân công quản lý.

Soạn thảo, hướng dẫn các quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được phân công quản lý;

c) Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ và hạ tầng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nghiên cứu, triển khai hoạt động hỗ trợ, tư vấn quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ và hạ tầng;

đ) Thẩm định các dự án đầu tư của Ủy ban trong lĩnh vực công nghệ và hạ tầng;

e) Xây dựng và triển khai thực hiện việc phối hợp của Ủy ban với các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp được phân công quản lý;

g) Triển khai Bộ chỉ số giám sát và đánh giá hiệu quả doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ và hạ tầng. Nghiên cứu, xây dựng, áp dụng các chỉ số giám sát và đánh giá chuyên ngành đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ và hạ tầng;

h) Tiếp nhận, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ và hạ tầng.

2. Tham gia, phối hợp các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Xây dựng chiến lược tổng thể đầu tư phát triển doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, năm năm và hằng năm của Ủy ban và các chương trình theo quy định của pháp luật;

c) Tổng hợp dự toán kế hoạch ngân sách nhà nước của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ và hạ tầng theo quy định;

d) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Kiểm soát viên tài chính; quyết định quỹ tiền lương, thù lao hằng năm của người quản lý

doanh nghiệp, Kiểm soát viên, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác đối với công chức, viên chức, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, điều hành, người đại diện doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ và hạ tầng;

h) Xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao quản trị doanh nghiệp hiện đại tại các doanh nghiệp;

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của Vụ theo chương trình cải cách hành chính của Ủy ban; hiện đại hóa công sở và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Vụ; báo cáo thực hiện cải cách hành chính hàng năm trong phạm vi quản lý của Vụ.

4. Đầu mối quản lý Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam, Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam và các doanh nghiệp khác thuộc lĩnh vực công nghệ và hạ tầng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

5. Quản lý đội ngũ công chức, tài sản của Vụ theo quy định của pháp luật và của Ủy ban.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban và theo quy định pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Vụ Công nghệ và Hạ tầng có 01 Vụ trưởng và không quá 03 Phó Vụ trưởng. Vụ Công nghệ và Hạ tầng làm việc theo chế độ thủ trưởng kết hợp với chế độ chuyên viên. Biên chế của Vụ do Chủ tịch Ủy ban quyết định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Công nghệ và Hạ tầng thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thuộc Ủy ban chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lãnh đạo Ủy ban;
- Đảng ủy, Công đoàn Ủy ban;
- Công TTĐT Ủy ban;
- Lưu: VT, Vụ TCCB (2 bản).

bus



Nguyễn Hoàng Anh